TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 55/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14-5-2024.
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tơ
Các Hội thẩm nhân dân:
- Ông Lê Văn Tài
- Ông Trịnh Xuân Tùng

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Võ Tuấn Khanh –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Mai Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 477/2023/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp GB, xã GT, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có yêu cầu vắng mặt.
- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1970. Địa chỉ: 168/1 ấp GB, xã GT, huyện P, tỉnh Bến Tre.Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Trần Thị N trình bày:

Chị và anh V có quen biết và tiến tới hôn nhân chúng tôi sống chung từ năm 1996 cho đến nay và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Giao Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre vào ngày 23/10/2002. Trong thời gian chung sống chị và anh V có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 17/10/1997 và con chung tên Nguyễn Phúc T2, sinh ngày 20/02/2004; hiện 02 con chung đã trưởng thành.

Nguyên nhân yêu cầu ly hôn: Cuộc sống hôn nhân của chị và anh V hiện nay có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh V có lần đánh chị nên chị và anh V đã không còn sống chung khoảng 06 tháng.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thê hàn gắn được nên nay chị N yêu cầu Toà án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: chị N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

- Về con chung: 02 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 14/3/2024 chị Trần Thị N có đơn xin vắng mặt.

Theo nội dung biên bản lấy lời khai ngày 15/01/2024 anh Nguyễn Văn V trình bày: anh và chị N kết hôn năm 1996; trong thời gian chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 07/10/14997 và con chung tên Nguyễn Phúc T2, sinh ngày 02/02/2004; đã trưởng thành. Anh và chị N có tạo lập được tài sản chung gồm: vuông tôm, căn nhà nhưng tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết. Nợ chung: không có.

Trước các yêu cầu của chị N anh có ý kiến sau:

- Về hôn nhân:anh không đồng ý ly hôn.
- Về con chung: đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung: tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: không có.

Lý do vợ chồng mâu thuẫn: chị N đi với người khác, ngoại tình nên vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, anh có đánh chị N bạt tay nên vợ chồng đã không còn sống chung khoảng 03 tháng và vẫn chưa hàn gắn tình cảm được. Anh không đồng ý ly hôn và yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết theo quy định.

Bị đơn anh Nguyễn Văn V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cùng các bản sao tất cả các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Nguyễn Văn V vẫn vắng mặt không có lý do và không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về hôn nhân: bà N và ông V xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Giao Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến

Tre và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Ông bà trình bày không thống nhất về thời điểm sống chung và đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn thì ông bà kết hôn ngày 23/10/2002. Thời điểm đăng ký kết hôn ông, bà đã đủ tuổi, có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Ông V không đồng ý ly hôn, nhưng ông V xác nhận có đánh bà N và vợ chồng đã ly thân hơn 03 tháng nay. Cho thấy ông V vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Mâu thuẫn hôn nhân không giải quyết được. Bà N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Toà án giải quyết cho bà ly hôn với ông V là hoàn toàn hợp lý.

Về con chung: ông bà có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc Trâm, sinh ngày 17/10/1997 và Nguyễn Phúc Thuận, sinh ngày 20/02/2004. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: ông bà tự thoả thuận.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Do đó, căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 19, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị N:

Về hôn nhân: bà N được ly hôn với ông V. Bà N và ông V không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết;

Về con chung: đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết;

Về tài sản chung: ông bà tự thoả thuận.

Về nợ chung: ông bà trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1970 có đăng ký thường trú tại địa chỉ: 168/1 ấp GB, GT, huyện P, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: chị Trần Thị N có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn V đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh V vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N, anh V.

[4] Về hôn nhân: chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn.

Việc kết hôn có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã Giao Thạnh, huyện Thạnh Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/10/2002. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị N và anh V được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân chị N xin ly hôn với anh V là do Cuộc sống hôn nhân của chị và anh V hiện nay có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh V có lần đánh chị nên chị và anh V đã không còn sống chung khoảng 06 tháng. Anh V thừa nhận nguyên nhân anh và chị N không còn sống chung là do chị N đi với người khác, ngoại tình nên vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, anh có đánh chị N bạt tay nên vợ chồng đã không còn sống chung khoảng 03 tháng và vẫn chưa hàn gắn tình cảm được Xét thấy: Hiện nay chị N và anh V không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Anh V không đồng ý ly hôn với chị N và Tòa án đã tạo điều kiện để chị N và anh V hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng anh V vắng mặt không có lý do nên từ đó có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị N và anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp.

[5] Về con chung: chị N và anh V có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 17/10/1997 và Nguyễn Phúc T2, sinh ngày 20/02/2004 đã trưởng thành, chị N và anh V không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn do chị N, anh V không có yêu cầu.

[7] Về tài sản chung: chị N và anh V trình bày tự thoả thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung: chị N và anh V trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Chị Trần Thị N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị N. Chị Trần Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn V. Không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn do chị N, anh V không có yêu cầu.

2. Về con chung: 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 17/10/1997 và Nguyễn Phúc T2, sinh ngày 20/02/2004 đã trưởng thành, chị N và anh V không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: chị N và anh V trình bày tự thoả thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: chị N và anh V trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Trần Thị N phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000473 ngày 15/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã Giao Thạnh;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tơ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Xuân Tùng-Lê Khắc Hiệp **Nguyễn Thị Tơ**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thanh Hùng-Mai Văn Thắng **Nguyễn Thị Tơ**

Nơi nhận:
-VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã An Nhơn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Tơ